

Mã SV	Họ	Tên	Phá	Ng	Bản	Bản	Bản	Giá	Lý	Ghi
		i	ày	sao	sao	sao	y	c	lịch	chú
		Sin	Bản	GK	am	HS				
		h	học	g	T	Sin	kết	SV		
		bạ	NP	h	PV					
			TT	N						
			H							
K34.	Nguyễn	Trâ		1	2	8	1			
755.	Hồ	m		1	8	9				
050	Thuyền									
K35.	Trần	An		0	1	0	1			CK
755.	Công			8	9					MT
001										
K35.	Hà	Mai	Án	1	1	8	0	X		
755.		h		3	9	1				
002										
K35.	Hồ	Án		0	2	3	0	X	X	GB
755.	Quang	h		3	8	3				NH
003	Nhật									,C
										KM
										T
K35.	Voòng	Bìn		1	2	7	0	X		
755.	Chung	h		3	9	1				
004										
K35.	Trần	Chi		0	1	2	0	X		
755.	Chiêu	êu		8	9	1				
005										
K35.	Lê	Thị	Du	1	2	2	0	X		
755.	Phước	yên		7	9	1				
007										
K35.	Huỳnh	Đã		0	2	8	0	X		
755.	Minh	ng		8	9	1				
008										
K35.	Vương	Hằ		1	2	2	1	X		
755.	Thái	ng		0	9	1				
009										
K35.	Vũ	Thị	Hà	1	2	8	1	X		
755.				1	9	1				
010										
K35.	Bùi	Thị	Hà	1	7	0	7	X		
755.	Ngọc			9	1					
011										
K35.	Nguyễn	Ho		1	7	1	0	X	X	CK
755.	Thị	ài		9	1					MT
012	Thu									
K35.	Nguyễn	Ho		0	1	3	1	X		
755.	Khánh	àng		0	9	1				
013										
K35.	Phạm	Hò		0	1	3	0			
755.	Huy	a		6	9	0				

014				
K35. Phạm Hu	1 101			
755. Thị yền	87			
015 Thu				
K35. Dương Hu	1 261	X		
755. Thị Mỹ yền	191			
016				
K35. NguyễnHur	1 150	X		
755. Mai ong	991			
017				
K35. NguyễnKiề	1 312	X		
755. Thanh u	91			
020 Kim				
K35. NguyễnLan	1 260	X		
755. Thị Ái	691			
021				
K35. Tăng Lin	1 280	X	CK	
755. Thị h	291		MT	
022 Hoa				
K35. Phạm Mai	1 612	X		
755. Thanh	91			
024				
K35. Trần Mai	1 811	X		
755. Thanh	91			
025				
K35. Vũ Thị Mai	1 805	X		
755. Hồng	91			
026				
K35. NguyễnMã	0 280			
755. Tiến n	683			
027				
K35. Trần Mi	1 161	X		
755. Ngọc	091			
028 Trà				
K35. Vũ Thị Ng	1 100	X		
755. Thúy a	791			
029				
K35. NguyễnNg	1 210	X		
755. Thị à	691			
030				
K35. Phan Ng	1 240	X		
755. Thị ọc	391			
031 Thanh				
K35. NguyễnNg	1 201			
755. Thị uyệ	088			
033 Thu t				
K35. NguyễnNh	1 602	X		
755. Thị ư	91			
034 Quỳnh				
K35. Dương Nh	1 101			

755. Hà	ư	90		
035				
K35. Phạm	Phư	1 180	X	
755. Yên	ơng	891		
037				
K35. Lê Hà	Phư	1 905	X	
755. Vân	ơng	91		
039				
K35. Nguyễn San		0 305		
755. Thanh	g	84		
041				
K35. Đặng	Thấ	0 903	X	
755. Hữu	ng	91		
044				
K35. Vũ Thị Thả		1 300	X	
755. Thu	o	191		
045				
K35. Nguyễn Thú		1 200	X	
755. Thị	y	791		
046				
K35. Đồng	Thủ	1 270	X	CK
755. Thị	y	291		MT
047 Hồng				
K35. Phùng	Th	1 140	X	
755. Lệ	ư	691		
048				
K35. Trần	Th	1 160	X	CK
755. Thị	ươn	991		MT
049 Hoài	g			
K35. Nguyễn Tru		0 301		
755. Tiến	ng	289		
053				
K35. Trần	Tuy	1 907		
755. Thị	ền	89		
055 Minh				
K35. Tôn Nữ Tú		1 290	X	
755. Thanh		591		
056				
K35. Hồ Đắc Vy		1 108	X	
755. Lê		91		
058				
K35. Nguyễn Vy		1 241	X	
755. Phương		191		
059				
K35. Nguyễn Xu		1 230	X	
755. Thanh	ân	491		
060				
K35. Nguyễn Yế		1 220	X	
755. Thị	n	491		
061 Ngọc				

K35. Vũ Thị Ân	1 140	X	
755. Phương h	991		
062			
K35. Vy Thị Bích	1 180	X	
755. Ngọc h	391		
063			
K35. Hồ Hạ	1 704	X	
755. Tuyết nh	91		
064			
K35. Nguyễn Hà	1 180	X	
755. Thị	391		
065 Thu			
K35. Huỳnh Hiề	1 171	X	
755. Thanh n	191		
066			
K35. Bùi Hư	1 201	X	
755. Đình ơng	191		
068 Lan			
K35. Huỳnh Phú	1 151	X	
755. Thanh c	291		
070			
K35. Nguyễn Thả	1 130	X	CK
755. Thị o	791		MT
071 Thu			
K35. Nguyễn Trú	1 270	X	
755. Thị c	691		
073 Thanh			
K35. Nguyễn Vâ	1 807	X	CK
755. Thị Phi n	91		MT
074			
K35. Nguyễn Vâ	1 250	X	
755. Thị n	991		
075 Thu			